UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1616/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 512/TTr-STNMT ngày 24/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (*có Phương án kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 2; - Thường trực Tỉnh uỷ; - Thường trực HĐND tỉnh; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Đài PTTH tỉnh; Báo Hưng Yên; - Lãnh đạo VP UBND tỉnh - Lưu: VT, TNMT.	**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** **KT.CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Bùi Thế Cử**

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 30/07/2019 15:31:44

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 30/07/2019 15:31:17

PHƯƠNG ÁN
Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

I. Sự cần thiết của việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Kiểm kê đất đai là việc Nhà nước tổ chức điều tra, tổng hợp, đánh giá trên hồ sơ địa chính và trên thực địa về hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm kiểm kê và tình hình biến động đất đai giữa hai lần kiểm kê. Đó là một loại hình kiểm kê chuyên ngành có vai trò quan trọng không thể thiếu được trong công tác quản lý đất đai và phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá được chính xác thực trạng sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh; làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong quản lý, sử dụng đất trên phạm vi toàn tỉnh; tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các cấp, nhất là việc lập, điều chỉnh, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2021-2030; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. Cơ sở pháp lý

Phương án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được xây dựng trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, cụ thể như sau:

1. Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

2. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

3. Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 *(sau đây gọi tắt là Chỉ thị 15/CT-TTg);*

4. Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất *(sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT);*

5. Thông tư số 42/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

6. Thông tư số 136/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh phi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

7. Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 *(sau đây gọi tắt là kiểm kê đất đai).*

III. Mục đích, yêu cầu của Phương án kiểm kê đất đai

1. Mục đích

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, nhằm:

- Đánh giá chính xác thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính xã, huyện, tỉnh làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong giai đoạn năm 2015-2019; đánh giá được sự biến động đất đai so với chu kỳ 5 năm, 10 năm trước và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2021 - 2030 và xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Biên soạn chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; cung cấp số liệu để xây dựng Niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, các nhu cầu khác của nhà nước và xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức điều tra thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc.

- Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất.

- Việc kiểm kê đất đai năm 2019 cần phải được đổi mới phương pháp, tổ chức thực hiện để kiểm soát chặt chẽ kết quả điều tra kiểm kê thực địa, nâng cao chất lượng thực hiện, khắc phục hạn chế, tồn tại của các kỳ kiểm kê trước đây.

IV. Phạm vi, đối tượng, loại điều tra, đơn vị thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019

1. Phạm vi thực hiện

Kiểm kê đất đai năm 2019 được tiến hành trên phạm vi toàn tỉnh theo từng cấp hành chính, trong đó cấp xã là đơn vị cơ bản tiến hành kiểm kê đất đai.

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cấp xã là cơ sở để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện và tỉnh.

2. Đối tượng thực hiện

- Đối tượng kiểm kê đất đai 2019 gồm: diện tích các loại đất, các loại đối tượng sử dụng, đối tượng được Nhà nước giao để quản lý;

- Ngoài việc kiểm kê diện tích đất và số lượng người sử dụng, người quản lý đất theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 cần thực hiện điều tra, kiểm kê chi tiết các nội dung theo Chỉ thị số 15/CT-TTg như sau:

+ Kiểm kê chi tiết đối với đất trồng lúa, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước; xác định rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị thu hồi chuyển mục đích sử dụng cho các dự án, công trình; diện tích chuyển mục đích trái pháp luật; ... để có những nhận xét đánh giá và đề xuất biện pháp tăng cường quản lý sử dụng đất trồng lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

+ Tình hình quản lý và sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hóa; các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; các dự án xây dựng nhà ở thương mại; các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của UBND xã, phường, thị trấn; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp ven sông;

3. Loại điều tra

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 là cuộc điều tra thống kê trong chương trình điều tra thống kê quốc gia theo quy định của Luật Thống kê, Luật Đất đai và Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đơn vị điều tra

Đơn vị thực hiện điều tra kiểm kê gồm: UBND cấp xã, các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, các chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại; các tổ chức xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh, Ban Quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

Kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo phương án riêng, do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì xây dựng và thực hiện;

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan khác và UBND cấp huyện là các cơ quan phối hợp thực hiện. Kết thúc kỳ kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; đồng thời gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung.

Phần thứ hai

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

I. Khái quát về hiện trạng thông tin tư liệu có liên quan để thực hiện phương án kiểm kê

1. Kết quả kiểm kê đất đai 2 năm gần nhất

1.1. Kết quả kiêm kê đất đai năm 2010

Tổng kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 được thực hiện cho tất cả 161 đơn vị cấp xã; 10 đơn vị cấp huyện và toàn tỉnh; trong đó lấy cấp xã làm đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê, xây dựng hồ sơ gốc về số liệu diện tích đất đai làm cơ sở tổng hợp xây dựng hồ sơ số liệu diện tích đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, tỉnh.

Diện tích, cơ cấu của các đối tượng quản lý sử dụng trong kỳ kiểm kê đã được thống kê chi tiết cho 3 loại đất chính theo quy định của Luật Đất đai năm 2003: Đất nông nghiệp; Đất phi nông nghiệp; Đất chưa sử dụng. Kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2010, cụ thể:

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh tính đến ngày 01/01/2010 là 92.602,89 ha, trong đó: Diện tích đất nông nghiệp là 58.754,39 ha, chiếm 63,45% tổng diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 33.391,18ha, chiếm 36,06% tổng diện tích tự nhiên; diện tích đất chưa sử dụng là 457,32 ha, chiếm 0,49% tổng diện tích tự nhiên.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 đã lập cho 161 xã, phường, thị trấn; 10 huyện thành phố. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, theo hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°; kinh tuyến trục $105^{0}30'$; lập theo công nghệ số theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Về tỷ lệ đã lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010: Cấp xã lập ở 2 loại tỷ lệ là 1/2000 và 1/5000; cấp huyện lập ở tỷ lệ 1/10000; cấp tỉnh lập ở tỷ lệ 1/25000.

1.2. Kết quả kiêm kê đất đai năm 2014

Tổng kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 được thực hiện ở tất cả 161 đơn vị cấp xã; 10 đơn vị cấp huyện và toàn tỉnh; trong đó lấy cấp xã làm đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê, xây dựng hồ sơ gốc về số liệu diện tích đất đai làm cơ sở tổng hợp xây dựng hồ sơ số liệu diện tích đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, tỉnh.

Diện tích, cơ cấu của các đối tượng quản lý sử dụng trong kỳ kiểm kê đã được thống kê chi tiết cho 3 loại đất chính theo quy định của Luật Đất đai năm 2013: Đất nông nghiệp; Đất phi nông nghiệp; Đất chưa sử dụng. Kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2014, cụ thể:

Tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh đến ngày 31/12/2014 là 93.022,44 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 61.019,63 ha, chiếm 65,60% diện tích tự nhiên; Đất phi nông nghiệp là 31.756,10ha, chiếm 34,14% diện tích tự nhiên; Diện tích đất chưa sử dụng là 246,71ha, chiếm 0,26 % diện tích tự nhiên.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 đã lập cho 161 xã, phường, thị trấn; 10 huyện thành phố và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, theo hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°; kinh tuyến trục $105^{0}30'$, lập theo công nghệ số theo quy định của Bộ TNMT.

Về tỷ lệ đã lập: Cấp xã lập ở 2 loại tỷ lệ là 1/2000 và 1/5000; cấp huyện lập ở tỷ lệ 1/10000; cấp tỉnh lập ở tỷ lệ 1/25000.

2. Kết quả Thống kê đất đai qua các năm

Việc thống kê diện tích đất đai qua các năm được thực hiện ở 3 cấp xã, huyện, tỉnh. Cấp xã là đơn vị cơ bản thống kê diện tích đất đai. Tỉnh Hưng Yên có 161 xã, phường, thị trấn thuộc 10 huyện, thành phố.

Lực lượng thống kê diện tích đất đai là cán bộ địa chính các xã, phường, thị trấn; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trước đây và sau này là Văn phòng Đăng ký đất đai (bao gồm cả các Chi nhánh).

Báo cáo, số liệu thống kê diện tích đất đai đã phản ánh đầy đủ, kịp thời về diện tích, loại đất, đối tượng quản lý, đối tượng sử dụng theo quy định; hồ sơ địa chính đã được chỉnh lý trong địa giới hành chính từ cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh theo Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất; thành lập được bộ số liệu về đất đai cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh; đánh giá, xác định nguyên nhân biến động sử dụng đất qua các năm.

2.1. Thống kê đất đai năm 2015

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2015 là 93.022,44 ha, trong đó: diện tích đất nông nghiệp là 60696,22 ha, chiếm 65,25% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh; diện tích đất phi nông nghiệp là 32080,08 ha, chiếm 34,49% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh; diện tích đất chưa sử dụng là 246,14 ha, chiếm 0,26% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

2.2. Thống kê đất đai năm 2016

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2016 là 93.022,44 ha, trong đó: diện tích Đất nông nghiệp là 60.524,95 ha, chiếm 65,06% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh; diện tích dất phi nông nghiệp là 32.251,88 ha, chiếm 34,67% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh; diện tích đất chưa sử dụng là 245,61 ha, chiếm 0,26% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

2.3. Thống kê đất đai năm 2017

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2017 là 93.022,44 ha, trong đó: diện tích Đất nông nghiệp là 60.369,21 ha, chiếm 64,90% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh; diện tích Đất Phi nông nghiệp là 32.408,31 ha, chiếm 34,84% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh; diện tích Đất chưa sử dụng là 244,92 ha, chiếm 0,26% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

2.4. Thống kê đất đai năm 2018

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2018 là 93.022,44 ha, trong đó: diện tích Đất nông nghiệp là 60.116,17 ha, chiếm 64,63% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh; diện tích Đất Phi nông nghiệp là 32.662,15 ha, chiếm 35,11% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh; diện tích Đất chưa sử dụng là 244,12 ha, chiếm 0,26% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

3. Tình hình tư liệu, tài liệu bản đồ hiện có

Các tài liệu bản đồ sử dụng để thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, gồm:

a) Về cơ sở dữ liệu địa chính: Cơ sở dữ liệu địa chính đã thành lập và vận hành từ năm 2015 tại 6 huyện, thành phố: Phù Cừ, Tiên Lữ, Kim Động, Khoái Châu, Yên Mỹ và thành phố Hưng Yên; tại 105 xã/ phường/ thị trấn.

b) Bản đồ địa chính: Trên địa bàn toàn tỉnh tại 161/161 (đạt 100%) xã, phường, thị trấn có bản đồ phục vụ kiểm kê đất đai năm 2019, cụ thể:

- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500, 1/1000 và 1/2000 có đủ tại 10 huyện, thành phố, thị xã với 161 xã/ phường/ thị trấn (toàn tỉnh còn khu vực đất nông nghiệp huyện Ân Thi đã tổ chức đo đạc theo kết quả dồn thửa đổi ruộng nhưng chưa bàn giao sản phẩm);

- Bản đồ địa chính cơ sở có tại các huyện, thị xã, thành phố với 1.135 tờ bản đồ, tỷ lệ 1/2000;

- Bản đồ thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg; bản đồ giải thửa, bản đồ đo đạc qua các thời kỳ; các Luận chứng kinh tế kỹ thuật và các dự án; Bản đồ điều tra kiểm kê đất đai và Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014;

- Bản đồ giao ruộng sau dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013-2015; bản đồ quy hoạch sử dụng đất các cấp đến năm 2020;

- Bộ bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên thực hiện theo Chỉ thị 364/CT ngày 06/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). Sản phẩm thực hiện từ Dự án "Hoàn thiện hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên" thực hiện theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ (còn gọi là Dự án 513).

- Tài liệu thực hiện Chỉ thị 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/12/2007; trích đo các khu đo phục vụ giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, ...

- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia và mô hình số độ cao tỷ lệ 1:2000 (khu vực thành phố Hưng Yên) và tỷ lệ 1:10.000 tỉnh Hưng Yên.

c) Hồ sơ địa chính: Sổ mục kê, Sổ địa chính, Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN), Sổ đăng ký biến động đất đai, Sổ giao ruộng trong DTĐR đất nông nghiệp giai đoạn 2013-2015, ...

d) Biểu mẫu, báo cáo:

- Biểu kiểm kê đất đai năm 2010 và 2014; Biểu thống kê đất đai hàng năm ở các cấp 2015, 2016, 2017, 2018; Biểu phục vụ trong DTĐR đất nông nghiệp giai đoạn 2013-2015, ...

- Báo cáo thuyết minh kiểm kê đất đai năm 2010, năm 2014; Báo cáo thống kê đất đai hàng năm ở các cấp; Báo cáo DTĐR đất nông nghiệp; báo cáo cấp GCN, ...

Các tài liệu trên đang được lưu trữ, quản lý, sử dụng tại UBND các xã, phường, thị trấn; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh trực thuộc; Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường - có chất lượng tài liệu tốt, cung cấp đầy đủ cho các đơn vị thi công sử dụng làm tài liệu phục vụ điều tra, khoanh vẽ, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai.

II. Nội dung, phương pháp và trình tự thực hiện

1. Nội dung kiểm kê đất đai năm 2019

1.1. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng quản lý đất theo quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT; các chỉ tiêu loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng được Nhà nước giao quản lý đất phải kiểm kê, tổng hợp được quy định tại hệ thống biểu mẫu, Phụ lục số 02, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

1.2. Nội dung kiểm kê đất đai chuyên đề theo yêu cầu tại Chỉ thị số 15/CT-TTg, gồm:

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, gồm: diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc thuê đất; diện tích đất đang sử dụng đúng mục đích được giao, được thuê; diện tích sử dụng không đúng mục đích; diện tích chưa sử dụng; diện tích đang có tranh chấp; diện tích để bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); tình hình cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất; việc tổng hợp kết quả theo Biểu số 01/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp gồm: diện tích các loại đất đang sử dụng; diện tích chưa sử dụng; diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc được thuê đất; diện tích sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao (như: tự ý chuyển sang sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp hoặc bố trí làm nhà ở cho người lao động); diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích để bị lấn, bị chiếm; diện tích đang có tranh chấp; diện tích dự kiến sẽ bàn giao cho địa phương; diện tích đã đo đạc địa chính; tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 02 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử

dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; việc tổng hợp kết quả vào các biểu gồm: Biểu số 2a/CT15 - Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và Biểu số 2b/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại (đối với các dự án chưa hoàn thành, chưa bàn giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng) gồm: diện tích theo hình thức giao đất, thuê đất; diện tích đang sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao, được thuê; diện tích chậm tiến độ theo dự án đầu tư được duyệt; diện tích chưa sử dụng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của chủ đầu tư; tình hình sử dụng căn hộ để ở tại dự án; tình hình cấp giấy chứng nhận cho người mua nhà.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 03 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất tại dự án xây dựng nhà ở thương mại; biểu tổng hợp kết quả theo Biểu số 03/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh gồm: diện tích đất được giao, được thuê; diện tích sử dụng đúng mục đích, diện tích sử dụng vào mục khác; diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích đang có tranh chấp; diện tích để bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (đối với công trình công cộng có mục đích kinh doanh); tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 01 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất; việc tổng hợp kết quả vào các biểu, gồm: Biểu số 04/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập; Biểu số 05/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh.

- Tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là quỹ đất công ích xã) gồm: vị trí, diện tích, hình thức để tập trung hay phân tán, tình hình sử dụng quỹ đất công ích xã vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 132 của Luật Đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; tình hình lập hồ sơ quản lý quỹ đất công ích xã; diện tích đất công ích đã sử dụng vào các mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Đất đai trong 5 năm qua (từ năm 2015 đến 2019).

Thực hiện theo các biểu gồm: Biểu số 06a/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06b/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06c/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015 - 2019).

1.3. Một số nội dung kiểm kê khác theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Kiểm kê diện tích đất sạt lở, bồi đắp trong 5 năm qua bao, gồm: Diện

tích bị sạt lở, diện tích bồi đắp ven sông theo các loại đất chính (đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng).

Việc điều tra, tổng hợp kết quả thực hiện theo mẫu Biểu số 07/QĐ - Kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019).

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, gồm: diện tích cần xây dựng hạ tầng và diện tích đã hoàn thành xây dựng hạ tầng; diện tích để chuyển nhượng, cho thuê sản xuất kinh doanh, trong đó: diện tích đã chuyển nhượng, cho thuê để sản xuất kinh doanh; tỷ lệ lấp đầy; tình hình cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và cho người sử dụng đất sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Phiếu điều tra thực hiện theo mẫu số 04 - Tờ kê khai tình hình quản lý, sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; biểu tổng hợp số 08/QĐ - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Phương pháp thực hiện

2.1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

a) Về xây dựng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê phục vụ kiểm kê đất đai

Bản đồ điều tra kiểm kê là tài liệu quan trọng nhất, nó ảnh hưởng trực tiếp đến độ chính xác của số liệu, tài liệu phục vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã. Để xây dựng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê cần thực hiện một số nội dung sau:

- Công tác chuẩn bị:

+ Chuẩn bị nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác lập bản đồ kết quả kiểm kê; lên kế hoạch chi tiết thực hiện công việc điều tra, khoanh vẽ;

+ Thu thập đầy đủ số liệu, tài liệu bản đồ phục vụ lập bản đồ điều tra kiểm kê:

Về số liệu: số liệu thống kê đất đai hàng năm, số liệu kiểm kê đất đai; số liệu trong các báo cáo, đánh giá tại địa phương; …

Các loại tài liệu: Cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính; các quyết định quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt và các tài liệu liên quan khác…

Về Bản đồ: Thu thập các loại bản đồ (bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, bản đồ địa hình tỷ lệ lớn, bản đồ hiện trạng sử dụng đất kỳ trước, bản đồ quy hoạch sử dụng đất được duyệt, …); Lấy bản đồ địa chính làm cơ bản, các loại bản đồ khác thực hiện đối chiếu, rà soát (trường hợp khu vực không có bản đồ địa chính thì sử dụng các loại bản đồ khác theo quy định).

+ Sau khi thu thập đầy đủ số liệu, tài liệu, bản đồ thì tiến hành rà soát, đánh giá, đối chiếu thống nhất để lựa chọn số liệu, tài liệu và bản đồ phục vụ cho công tác kiểm kê đất đai.

- Công tác điều tra, khoanh vẽ:

+ Cần thiết phải rà soát, đánh giá, cập nhật, chỉnh lý các khoanh đất từ các nguồn tài liệu có tính pháp lý như: sơ đồ, bản đồ, hồ sơ, ... ; từ các quyết định thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, ... ; rà soát đường địa giới hành chính theo hồ sơ địa giới hành chính đang quản lý tại địa phương trước khi tiến hành điều tra thực địa.

+ Đối soát thực địa: Xác định các khoanh đất theo loại đất, mục đích sử dụng; đối tượng quản lý, đối tượng sử dụng đất; xác định khu vực có các khoanh đất có biến động cần tiến hành chỉnh lý, chuyển vẽ lên bản đồ điều tra kiểm kê. Riêng đối với các đối tượng chiếm đất nhưng không cấu thành thửa đất như: giao thông, thủy hệ, đối tượng dạng điểm, ... cần xác định thêm độ rộng của đối tượng để khi chuyển vẽ thể hiện bằng 1 nét hay 2 nét trên bản đồ.

- Lập bản đồ kết quả điều tra kiểm kê

+ Xây dựng Seedfile chuẩn cho file số bản đồ kết quả điều tra kiểm kê bao gồm: hệ tọa độ, múi chiếu, kinh tuyến trục, độ phân giải, ... theo quy định trước khi tiến hành chuyển vẽ các nội dung cần thể hiện;

+ Xây dựng nội dung bản đồ kết quả điều tra kiểm kê: Cơ sở toán học của bản đồ; ranh giới và ký hiệu các khoanh đất theo chỉ tiêu kiểm kê; đường địa giới hành chính các cấp; hệ thống giao thông, thủy hệ và các đối tượng liên quan; địa hình và các yêu tố khác (trừ yếu tố thửa đất) của bản đồ đã sử dụng để điều tra khoanh vẽ; các yếu tố kinh tế, xã hội; các ghi chú, thuyết minh.

+ Ranh giới các khoanh đất thể hiện chính xác theo xác định tại thực địa không khái quát hóa; Thể hiện rõ số thứ tự khoanh đất, mã loại đất, diện tích khoanh đất và đối tượng quản lý, sử dụng, ...

b) Về công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo phương pháp trực tiếp; lấy cấp xã là đơn vị cơ bản để thành lập, bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện; cấp tỉnh được lập trên cơ sở tiếp biên, tổng hợp, khái quát hóa nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các đơn vị hành chính trực thuộc.

Việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã được thực hiện trên cơ sở tổng hợp, khái quát hóa nội dung của bản đồ kiểm kê đất đai; loại bản đồ dữ liệu sử dụng để điều tra kiểm kê đất đai ở cấp xã quy định như sau:

- Có 6 huyện, thành phố: Phù Cừ, Tiên Lữ, Kim Động, Khoái Châu, Yên Mỹ và thành phố Hưng Yên tại 105 xã/ phường/ thị trấn sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai đã thành lập năm 2015 để điều tra kiểm kê.

- Các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Ân Thi và Thị xã Mỹ Hào lấy bản đồ địa chính đã thành lập năm 2016 - 2018 để điều tra, kiểm kê.

- Tại khu đất nông nghiệp thuộc huyện Ân Thi thì sử dụng bản đồ kiểm kê đất đai đã lập năm 2014 để cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai hàng năm để điều tra, kiểm kê.

2.2. Đối với các nội dung kiểm kê đất đai theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; các dự án xây dựng nhà ở thương mại; các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh: khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp kết hợp điều tra gián tiếp do cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện trên cơ sở tổ chức cho người sử dụng đất kê khai, kết hợp kiểm tra thực tế và hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận để tổng hợp, báo cáo.

b) Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích; diện tích bị sạt lở, bồi đắp

- Đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích: UBND cấp xã căn cứ vào các tài liệu cho thuê đất công ích của xã (hợp đồng thuê đất, sổ sách theo dõi việc cho thuê đất) và các loại bản đồ sử dụng cho quản lý đất đai ở địa phương (bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, sơ đồ giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP, ...), kết hợp với bản đồ kiểm kê đất đai để tổng hợp các thửa đất nông nghiệp công ích của xã; sử dụng phần mềm kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp kết quả kiểm kê đất nông nghiệp công ích của các cấp xã, huyện, tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện điều tra, kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018, Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ thì rà soát, cập nhật thay đổi, bổ sung theo yêu cầu của Chỉ thị số 15/CT-TTg để tổng hợp báo cáo.

- Đối với diện tích bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019): do UBND cấp xã thực hiện gắn với quá trình kiểm kê đất đai bằng phương pháp sử dụng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê năm 2014 kết hợp với các loại bản đồ khác để khoanh vẽ, xác định diện tích các khu vực bị sạt lở hoặc bồi đắp trong 5 năm qua để tổng hợp, báo cáo. Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thực tế việc khoanh vẽ trước khi tiếp nhận, tổng hợp kết quả.

2.3. Việc tính toán, xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 áp dụng công nghệ thông tin theo phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường để bảo đảm độ chính xác và quản lý thống nhất số liệu.

2.4. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các cấp để bảo đảm chất lượng số liệu kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phản ánh đúng thực tế sử dụng đất:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện kiểm tra, giám sát công tác thực hiện và kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Việc kiểm tra được tiến hành trong tất cả các công đoạn ở các cấp, các địa phương, nhất là quá trình điều tra khoanh vẽ, tổng hợp số liệu ở cấp xã;

b) Trước khi tiếp nhận kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các cấp, cơ quan tiếp nhận phải kiểm tra thẩm định về các nội dung theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ, tổng hợp số liệu của **tối thiểu 4 đơn vị cấp xã** thuộc mỗi đơn vị cấp huyện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ của **1/3 tổng diện tích** của mỗi xã trên địa bàn huyện và việc tổng hợp số liệu của tất cả các xã trong huyện.

3. Thời điểm kiểm kê và thời hạn hoàn thành ở từng cấp

3.1. Thời điểm chốt số liệu để kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 tính đến hết ngày 31/12/2019.

3.2. Thời điểm triển khai việc điều tra, thu thập thông tin và thời hạn hoàn thành, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 như sau:

- Cấp xã triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước từ ngày 01/8/2019, hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16/01/2020;

- Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01/3/2020;

- Cấp tỉnh triển khai thực hiện điều tra kiểm kê đất đai chuyên đề từ ngày 01/8/2019; hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai của cấp tỉnh trước ngày 16/4/2020;

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tham mưu cho Bộ Quốc phòng, Công an tỉnh tham mưu cho Bộ Công an hoàn thành và gửi kết quả cho UBND cấp tỉnh trước ngày 16/01/2020 để tổng hợp, báo cáo; gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16/4/2020.

4. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019

4.1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

- Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai định kỳ năm 2019 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT;

- Hồ sơ giao nộp kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 của Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

4.2. Đối với nội dung kiểm kê chuyên đề theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và

quyết định của Bộ trưởng:

a) Hồ sơ của UBND cấp xã giao nộp:

- Biểu số 06a/CT15 - Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06b/CT15 - Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; Biểu số 06c/CT15- Tổng hợp quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn đã sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường cho người bị thu hồi đất trong 5 năm (từ 2015 - 2019).

- Biểu số 07/QĐ: Kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019).

b) Hồ sơ của UBND cấp huyện giao nộp: Biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích và Biểu kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp trong 5 năm (2015 - 2019) của toàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (biểu số 06b/CT15; 06c/CT15 và 07/QĐ).

c) Hồ sơ của UBND tỉnh giao nộp gồm:

- Tờ kê khai về tình hình quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, các dự án xây dựng nhà ở thương mại, các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, (01 bộ dạng số theo các mẫu số 01, 02, 03 và 04 ban hành kèm theo Phương án này);

- Biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; biểu kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; biểu kiểm kê diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp (01 bộ số và bản giấy theo mẫu ban hành kèm theo Phương án này) của toàn tỉnh.

4.3. Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019

Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của các cấp xã, huyện, ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, còn phải phân tích, đánh giá chi tiết tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích, diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp ở địa phương.

Riêng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của tỉnh, ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 27/2019/TT-BTNMT, còn phải phân tích, đánh giá chi tiết tình hình quản lý, sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích; đất các khu công

nghiệp, cụm công nghiệp; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để tăng cường quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các đối tượng này.

5. Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do ngân sách nhà nước của tỉnh bảo đảm để thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của địa phương.

6. Kế hoạch, trình tự tổ chức thực hiện

6.1. Công tác chuẩn bị thực hiện kiểm kê đất đai ở các cấp gồm các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 20 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT được hoàn thành trong tháng 7 năm 2019, cụ thể như sau:

- Đối với cấp tỉnh và cấp huyện phải hoàn thành các công việc chuẩn bị xong trước tháng 7 năm 2019;

- Đối với cấp xã phải hoàn thành các công việc chuẩn bị xong trước ngày 01 tháng 8 năm 2019.

a. Tại cấp tỉnh

- Xây dựng và phê duyệt Phương án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của tỉnh để tổ chức thực hiện;

- Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê đất đai;

- Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 và giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện kiểm kê đất đai (nếu có); chuẩn bị nhân lực, phân công trách nhiệm và sự phối hợp giữa các lực lượng thực hiện kiểm kê đất đai;

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; In, nhân sao và cấp phát mẫu biểu kiểm kê đất đai;

- Trước thời điểm kiểm kê đất đai 01 tháng phải hoàn thành việc chuẩn bị nhân lực, thiết bị kỹ thuật, tài chính theo quy định và tổ chức tập huấn cho các cấp xã, huyện;

- Trước thời điểm kiểm kê đất đai 01 tháng phải hoàn thành việc thu thập, đánh giá, lựa chọn loại các tài liệu đất đai có liên quan phục vụ cho điều tra kiểm kê gồm hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kết quả thống kê đất đai 05 năm gần nhất, kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hai kỳ trước đó;

- Chuẩn bị bản đồ, dữ liệu dạng số phục vụ cho điều tra kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở các cấp theo phương án được duyệt chuyển cho các cấp xã, huyện thực hiện;

- Rà soát, tổng hợp các thửa đất có biến động về loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất trong kỳ kiểm kê đất đai từ hồ sơ địa chính và

các hồ sơ thủ tục về đất đai liên quan (theo mẫu Phụ lục số 03.2 của Thông tư 27) gửi UBND dân cấp xã trước ngày 01/8/2019 để thực hiện kiểm kê đất đai; trường hợp sau ngày gửi bản tổng hợp các trường hợp biến động mà phát sinh các trường hợp biến động mới thì phải tổng hợp và gửi bổ sung chậm nhất vào ngày 31/12/2019;

- Rà soát phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh để xác định các trường hợp đường địa giới hành chính đang có tranh chấp hoặc không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa và làm việc với UBND của các đơn vị hành chính liên quan để thống nhất xác định phạm vi, trách nhiệm kiểm kê của từng bên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư 27 và chỉ đạo cho UBND các cấp huyện, xã thực hiện;

- Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến các ngành, các cấp và tuyên truyền cho người dân về chủ trương, kế hoạch kiểm kê;

b) Tại cấp huyện

- Xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện;

- Chuẩn bị nhân lực, thiết bị kỹ thuật, tài chính theo quy định phục vụ cho kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; phân công trách nhiệm và sự phối hợp giữa các lực lượng thực hiện;

- Thu thập, đánh giá, lựa chọn các tài liệu đất đai có liên quan phục vụ kiểm kê đất đai gồm hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kết quả thống kê đất đai 05 năm gần nhất, kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hai kỳ trước đó;

- Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai rà soát, tổng hợp các trường hợp biến động về đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính trong kỳ kiểm kê đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (theo mẫu Phụ lục số 03.2 của Thông tư 27) chuyển cho UBND cấp xã trước ngày 01/8/2019 để thực hiện kiểm kê đất đai; đồng thời tiếp tục tổng hợp các trường hợp biến động đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính đến ngày 31/12/2019 để gửi bổ sung cho UBND cấp xã thực hiện kiểm kê đất đai;

- Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến các ngành, các cấp và tuyên truyền cho người dân về chủ trương, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai;

- Rà soát phạm vi địa giới hành chính cấp huyện để xác định các trường hợp đang có tranh chấp địa giới hoặc không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa và làm việc với UBND của các đơn vị hành chính liên quan để thống nhất xác định phạm vi, trách nhiệm kiểm kê đất đai của từng bên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư 27/2018/TNMT và chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện;

c) Tại cấp xã

- Xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai trên địa bàn xã;

- Chuẩn bị nhân lực, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho kiểm kê đất đai; phân

công trách nhiệm cho các lực lượng tham gia hực hiện;

- Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến các cán bộ và tuyên truyền cho người dân về chủ trương, kế hoạch kiểm kê;

- Thu thập các tài liệu, số liệu về đất đai hiện có phục vụ cho kiểm kê gồm các loại bản đồ, dữ liệu phục vụ cho điều tra khoanh vẽ hiện trạng; hồ sơ địa chính; thông báo chỉnh lý biến động và trích lục bản đồ, sơ đồ kèm theo; hồ sơ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong sử dụng đất; kết quả thống kê đất đai của 05 năm gần nhất, kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hai kỳ trước đó; bảng tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê do Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển đến và các hồ sơ, tài liệu đất đai khác có liên quan;

- Rà soát, đối chiếu, đánh giá khả năng sử dụng, lựa chọn các tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập để sử dụng cho kiểm kê;

- Rà soát phạm vi ranh giới hành chính trên bản đồ sử dụng cho điều tra kiểm kê để chỉnh lý thống nhất với bản đồ biên giới, bản đồ địa giới hành chính mới nhất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp đường địa giới hành chính cấp xã đang có tranh chấp hoặc không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa thì UBND của các đơn vị hành chính cấp xã có liên quan làm việc để thống nhất xác định phạm vi, trách nhiệm kiểm kê đất đai của từng bên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư 27/2018/TNMT;

- In ấn tài liệu phục vụ cho kiểm kê đất đai (trừ bản đồ phục vụ điều tra);

- Rà soát, thu thập thông tin để xác định các khu vực có biến động trên thực địa trong kỳ kiểm kê cần chỉnh lý bản đồ, cần điều tra bổ sung, khoanh vẽ ngoại nghiệp.

6.2. Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai theo các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 20 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT và điểm 1, mục II, Phần hai của Phương án này, cụ thể như sau:

a) Từ ngày 01/8/2019 đến trước ngày 16/01/2020

- UBND các cấp, các ngành tập trung tổ chức chỉ đạo, thực hiện và hoàn thành việc kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019 tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và báo cáo kết quả về UBND cấp huyện trước ngày 16/01/2020;

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tham mưu Bộ Quốc phòng, Công an tỉnh tham mưu Bộ Công an thực hiện và hoàn thành việc kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh trước ngày 16/01/2020.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hoàn thành tổ chức thực hiện kiểm kê chi tiết đối với đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đang quản lý sử dụng; đất do các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; các dự án xây dựng nhà ở thương mại; các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích xã; đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp.

b) Từ ngày 16/01/2020 đến trước ngày 16/4/2020

- UBND cấp huyện chỉ đạo hoàn thành việc kiểm tra, thẩm định kết quả của cấp xã; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện và nộp báo cáo lên UBND tỉnh trước ngày 01/3/2020;

- UBND tỉnh chỉ đạo hoàn thành việc kiểm tra, thẩm định kết quả của cấp huyện; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp tỉnh và nộp báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16/4/2020.

7. Trách nhiệm thực hiện, thẩm quyền phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Trách nhiệm thực hiện, thẩm quyền phê duyệt và công bố kết quả thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thực hiện theo Điều 7 Thông tư 27/2018/TT-BTNMT.

PHẦN THỨ 3
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Nguồn nhân lực và trang thiết bị công nghệ

1. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực được huy động để thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 như sau:

- Cán bộ chuyên môn trong ngành từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Nguồn nhân lực được huy động tập trung chủ yếu phục vụ cho việc thực hiện kiểm kê đất đai ở cấp xã (có thể thuê thêm lao động phổ thông tại địa phương).

Sở Tài nguyên và Môi trường có 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất, Văn phòng Đăng ký đất đai) có đủ năng lực đáp ứng theo yêu cầu thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có một số tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ đã có kinh nghiệm, đủ năng lực (con người, năng lực, kinh nghiệm; vật tư, thiết bị, công nghệ; thái độ, thời gian, kết quả; ...) thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu (đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ) của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đối với công tác: đo đạc bản đồ; lập hồ sơ kê khai đăng ký; cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận; xây dựng cơ sở dữ liệu; kiểm kê đất đai các năm 2010, 2015; ...

2. Thiết bị và công nghệ

- Giải pháp kỹ thuật cho thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải đảm bảo các yêu cầu:

+ Tỷ lệ bản đồ đúng theo quy định.

+ Ranh giới khoanh đất phải rõ ràng chính xác.

+ Hiện trạng sử dụng đất thể hiện trên bản đồ đúng như ngoài thực địa.

- Giải pháp về kiểm kê diện tích đất đai

+ Số liệu kiểm kê diện tích đất trên địa bàn cấp xã được lập thành biểu theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

+ Số liệu diện tích đất đai cấp huyện được tổng hợp từ số liệu của cấp xã.

+ Số liệu diện tích đất đai cấp tỉnh được tổng hợp từ số liệu của cấp huyện.

Việc tổng hợp số liệu được thực hiện theo biểu mẫu bằng phần mềm do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

II. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho các hoạt động kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được cân đối trong dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019 - 2020.

2. Dự toán kinh phí kiểm kê đất đai và lập bản dồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 **tạm tính** theo quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế-kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 42/2015/TT-BTNMT BTNMT ngày 29/7/2014. **Khi nhà nước có thay đổi về định mức và các yếu tố có liên quan, đơn giá sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.**

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng Phương án và Dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. Đồng thời, gửi Phương án và Dự toán đã phê duyệt về Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, phổ biến, quán triệt và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng cấp triển khai thực hiện và xem xét phê duyệt kết quả kịp thời;

- Chủ trì dự thảo quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trình Lãnh đạo Bộ quyết định.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Phương án kiểm kê đất đai năm 2019 trên địa bàn tỉnh; chuẩn bị các loại bản đồ, tài liệu liên quan phục vụ cho kiểm kê đất đai; kiểm tra, rà soát, cung cấp hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; diện tích và bản đồ các khu vực còn tranh chấp địa giới hành chính cấp tỉnh tính đến thời

điểm 31//12/2019; tuyên truyền cho người dân về chủ trương, kế hoạch kiểm kê; tập huấn, hướng dẫn cho các cấp, các lực lượng tham gia thực hiện kiểm kê đất đai ở địa phương; tổ chức kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện và thẩm định kết quả của các cấp, nhất là cấp xã;

Đồng thời, thực hiện việc kiểm kê chuyên đề đối với đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đang quản lý sử dụng; đất do các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh theo Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp theo Phương án này.

- Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai năm 2019; xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 đối với đất Quốc phòng, đất An ninh.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ kịp thời khó khăn trong quá trình thực hiện để bảo đảm hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đầy đủ nội dung, đúng thời gian, với chất lượng cao nhất gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

2. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện thực hiện rà soát ranh giới, cắm mốc ranh giới (nếu thấy cần thiết), xác định diện tích đất đang sử dụng và quản lý của các đơn vị trực thuộc; thống nhất ranh giới, mốc ranh giới (nếu có) và số liệu diện tích đất của các đơn vị quốc phòng, an ninh đang quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh. Riêng diện tích các loại đất chỉ rà soát lại số liệu kiểm kê chi tiết các loại đất trong phạm vi quản lý, sử dụng mà các đơn vị đã thực hiện trong kiểm kê đất đai năm 2014. Trường hợp trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2014 nếu còn diện tích đất nào chưa được kiểm kê thì phải lập phương án chi tiết bổ sung.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Dự toán kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt và đảm bảo nguồn kinh phí được duyệt cho các hoạt động kiểm kê đất đai năm 2019 từ nguồn ngân sách nhà nước theo hướng dẫn sử dụng kinh phí của Bộ Tài chính.

- Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp danh sách các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa hoặc chưa cổ phần hóa phục vụ cho công tác điều tra tình hình quản lý, sử dụng đất theo quy định tại Chỉ thị 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cục Thuế tỉnh, Ban quản lý các Khu công nghiệp và các sở, ngành có liên quan

Cục thuế tỉnh, Ban quản lý các Khu công nghiệp và các sở, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài nguyên và môi trường các cấp điều tra về tình hình sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp sử dụng; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

5. Báo Hưng Yên, Đài PTTH tỉnh

Báo Hưng Yên, Đài PTTH tỉnh tổ chức tuyên truyền đối với công tác kiểm kê đất đai năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Không thành lập Ban Chỉ đạo.

Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, các ngành trong huyện tổ chức triển khai việc kiểm kê đất đai năm 2019 của địa phương đạt kết quả theo đúng phương án, kế hoạch của tỉnh và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp UBND cấp huyện, phối hợp với các đơn vị thi công (nếu có); hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cán bộ địa chính cấp xã thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai năm 2019 tại địa phương.

7. UBND các xã, phường, thị trấn

UBND các xã, phường, thị trấn: Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện trong việc thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 trên địa bàn xã. Tùy theo từng điều kiện cụ thể tại mỗi xã có thể thành lập Tổ chuyên môn để thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019 của xã mình.

8. Kế hoạch triển khai cụ thể

- Thời điểm triển khai (thống nhất trên phạm vi cả nước từ ngày 01/8/2019), thời hạn hoàn thành:

Cấp xã hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16/01/2020;

Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01/3/2020;

Cấp tỉnh hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai trước ngày 16/4/2020;

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh hoàn thành và gửi kết quả cho UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 16/01/2020 để tổng hợp, báo cáo;

- Tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ trong tháng 8/2019;

- Thường xuyên tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; thẩm định kết quả

xây dựng bộ số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; phân tích, đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất; báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về UBND tỉnh qua Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp để hướng dẫn thống nhất thực hiện.

Trên đây là Phương án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019./.